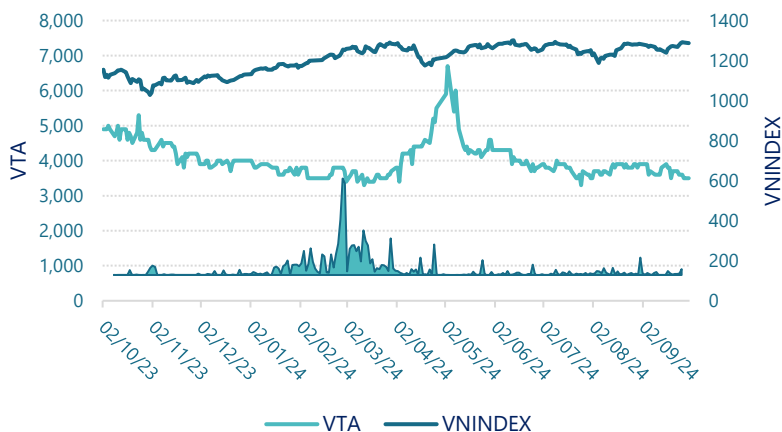




CTCP VITALY (UPCOM: VTA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	3,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,300
SL cổ phiếu LH	8,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,695
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	28
P/E	-1.2
EPS	-2,991

DT thuần
Q3/24

20.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.50 | -24.3%

YoY: ▼12.5 | -38.1%

LN sau thuế
Q3/24

-4.04

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.43 | 37.5%

YoY: ▲ 1.98 | 32.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24

-16.8%

+/- YoY: ▼ 0.9%

DT thuần
9T 2024

75.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼47.1 | -38.4%

LN sau thuế
9T 2024

-14.6

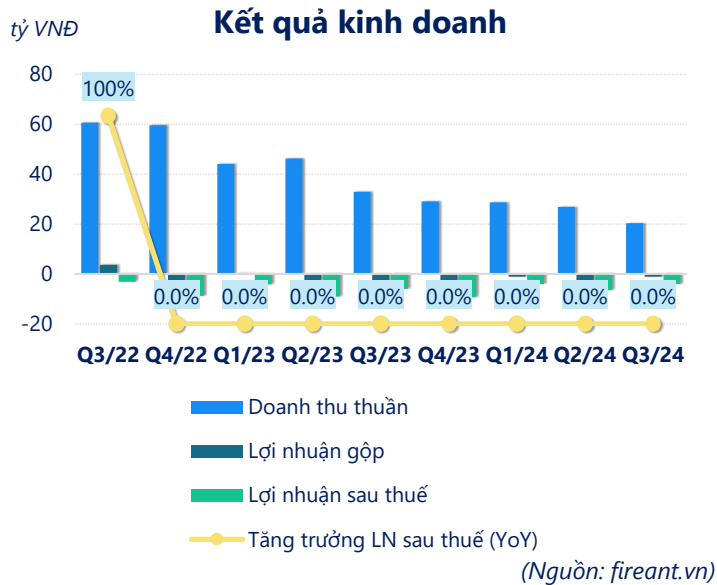
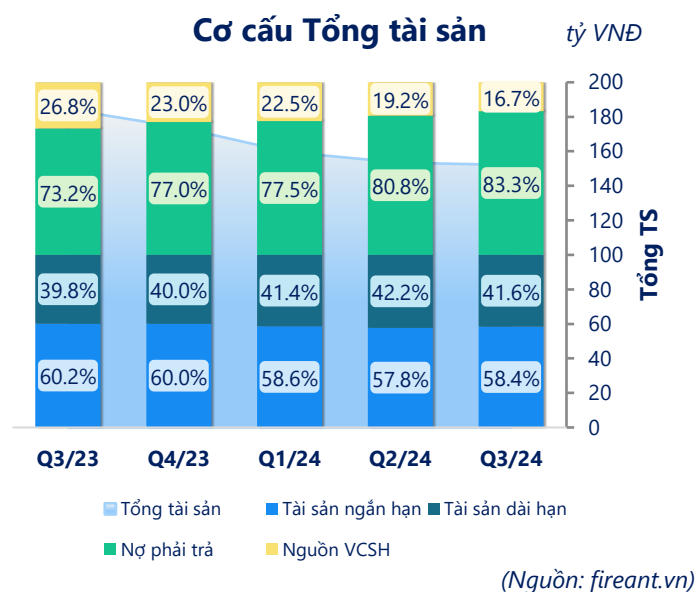
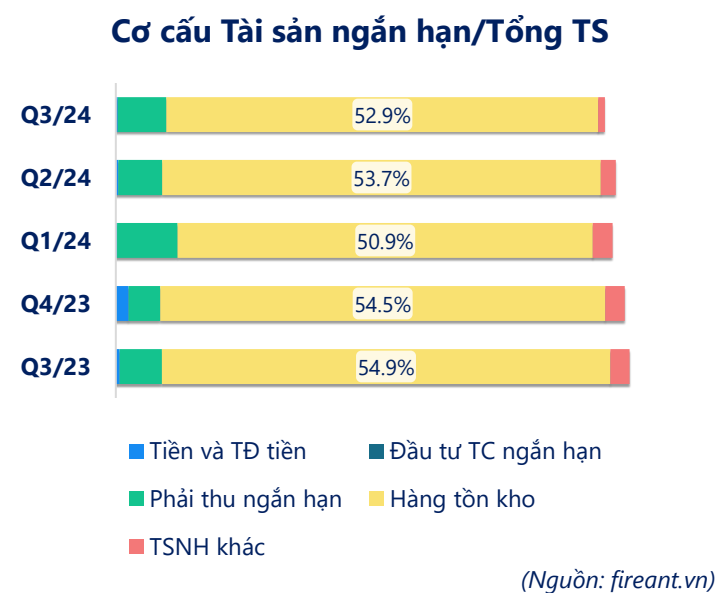
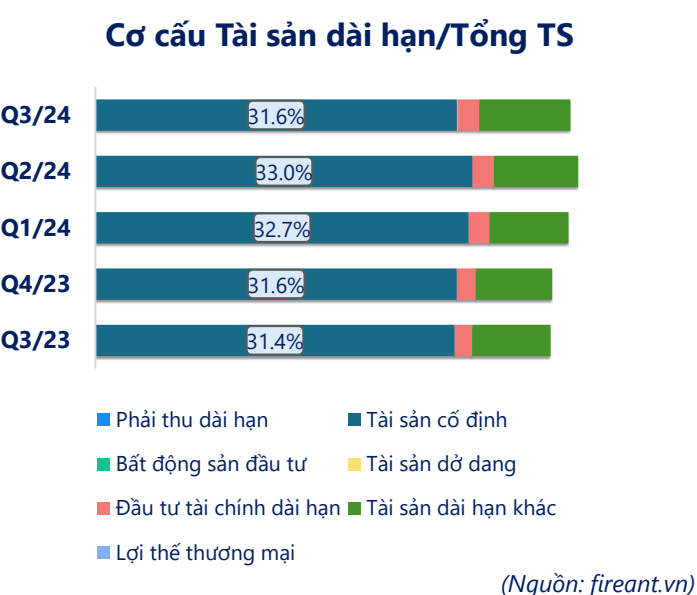
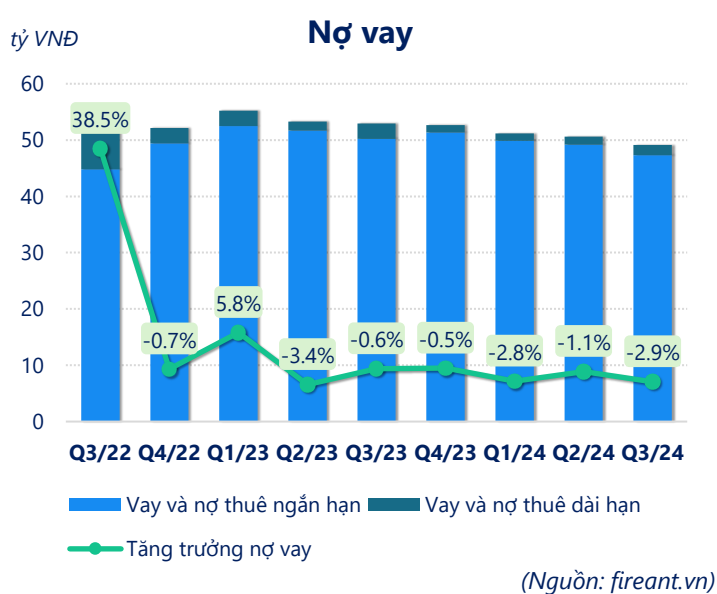
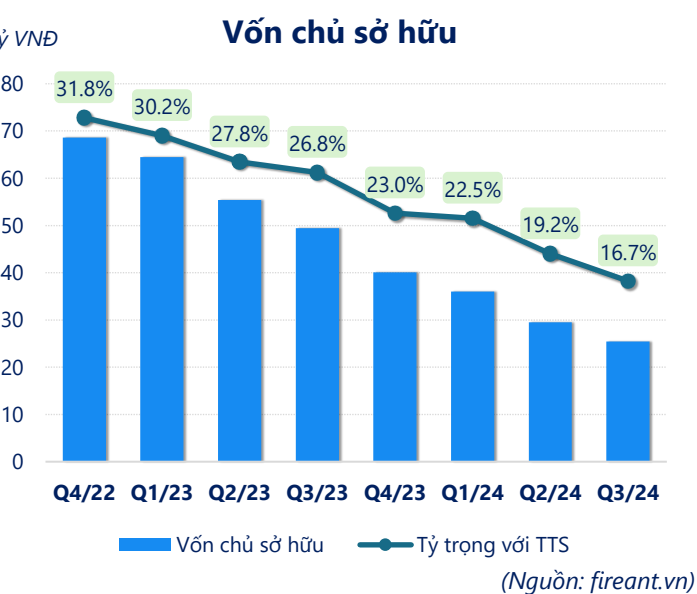
tỷ VNĐ

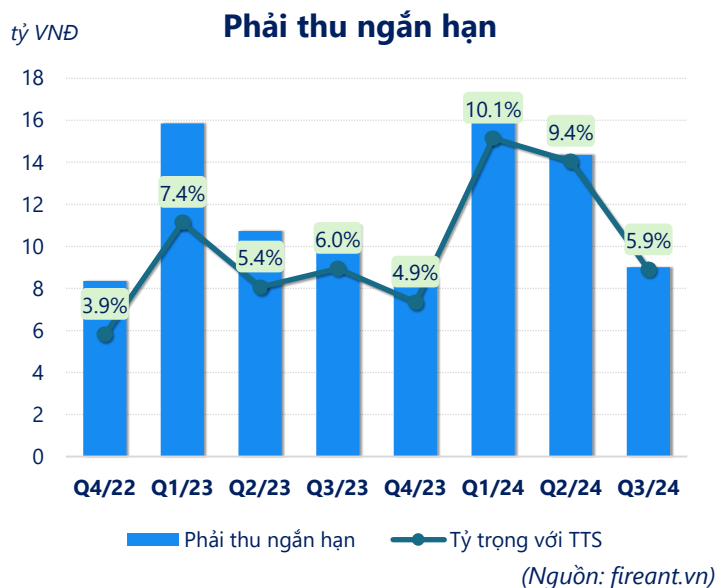
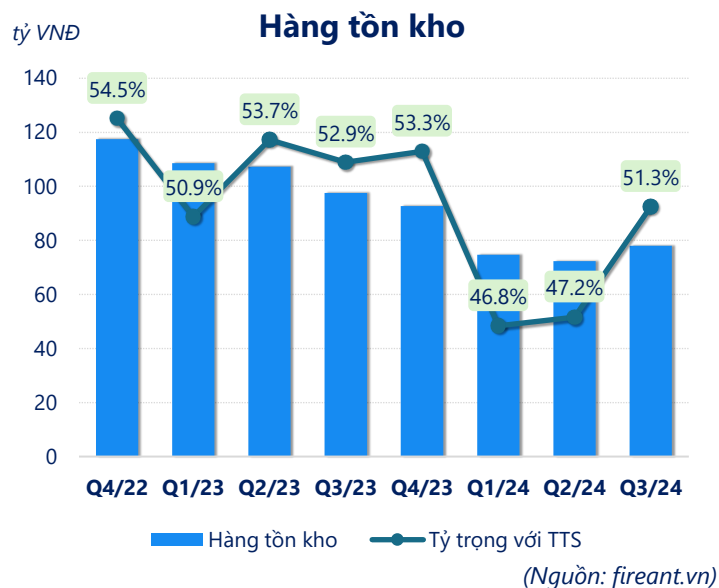
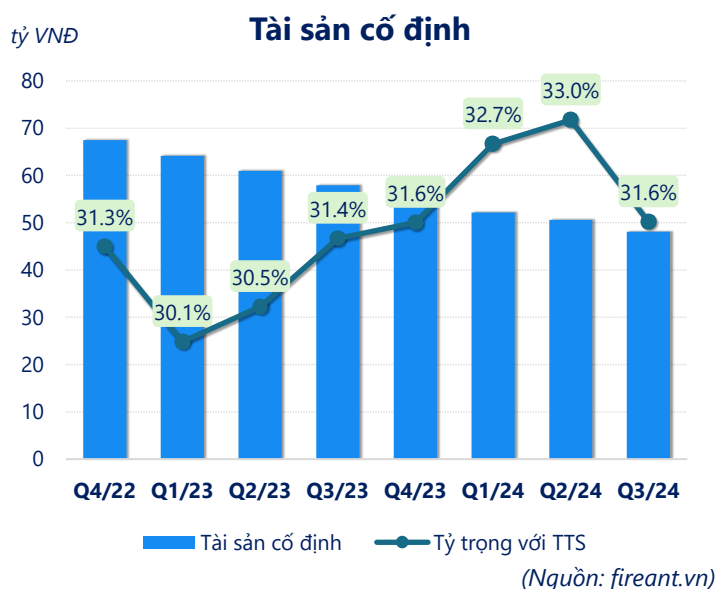
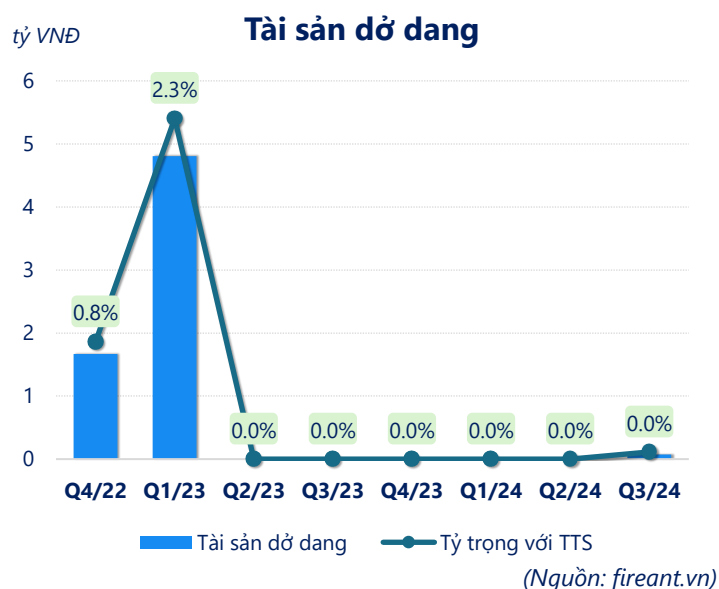
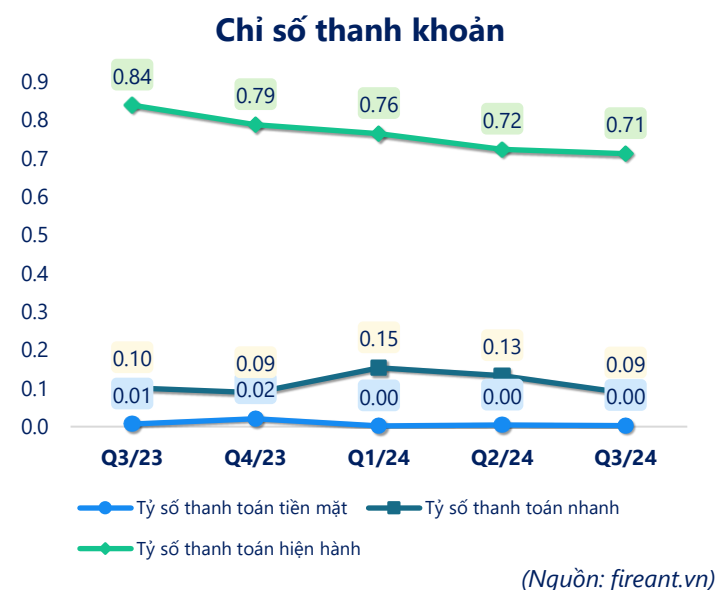
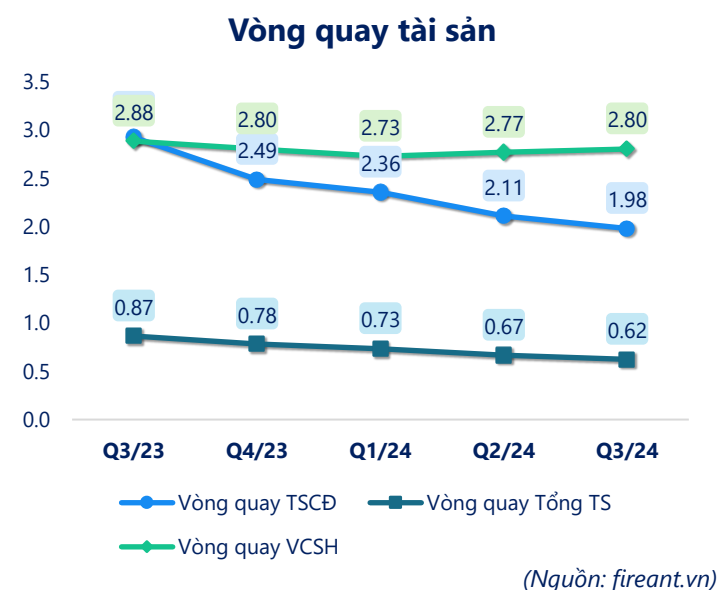
YoY: ▲ 4.60 | 24.0%

ROE
Q3/24

-63.9%

+/- YoY: ▼ 19.7%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	184	174	160	153	152
Tài sản ngắn hạn	111	104	93.5	88.6	88.9
Tiền và tương đương tiền	0.88	2.72	0.22	0.48	0.36
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	11.0	8.52	16.1	14.4	9.01
Hàng tồn kho	97.5	92.7	74.8	72.3	78.0
Tài sản ngắn hạn khác	1.53	0.49	2.42	1.43	1.58
Tài sản dài hạn	73.4	69.5	66.1	64.8	63.2
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	57.9	55.0	52.1	50.6	48.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0.07
Đầu tư tài chính dài hạn	2.88	2.88	2.88	2.88	2.88
Tài sản dài hạn khác	12.6	11.6	11.1	11.3	12.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	135	134	124	124	127
Nợ ngắn hạn	132	133	122	122	125
Vay và nợ thuê ngắn hạn	50.2	51.3	49.9	49.2	47.3
Phải trả người bán ngắn hạn	64.2	62.1	54.1	55.5	59.3
Nợ dài hạn	2.72	1.33	1.33	1.46	1.84
Vay và nợ thuê dài hạn	2.72	1.33	1.33	1.46	1.84
Nguồn vốn chủ sở hữu	49.4	40.1	36.0	29.5	25.5
Vốn chủ sở hữu	49.4	40.1	36.0	29.5	25.5
Vốn điều lệ	80.0	80.0	80.0	80.0	80.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)